

Bản án số: 58/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 08-6-2023.

V/v Xin ly hôn và nợ chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Cao Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Đặng Thanh Cao;

Nguyễn Phát Triển.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Vân An là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 08 tháng 6 năm 2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 275/2022/TLST-HNGĐ, ngày 19/12/2022 “V/v Xin ly hôn và nợ chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 5 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 340/2023/QĐST-HNGĐ ngày 23/5/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Phạm V - Sinh năm: 1967.

Địa chỉ: xã H, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Tạm trú: xã Tân D, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Nguyễn D - Sinh năm: 1968.

Địa chỉ: xã Hòa L, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Quỹ tín dụng nhân dân H

Địa chỉ: Xã Hòa L, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Địa diện theo pháp luật là ông Đặng Hữu N, đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Thanh H, chức vụ Giám đốc

Nguyễn Văn L, sinh năm: 1962, địa chỉ: xã Hòa L, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Phạm Hùng T, sinh năm: 1975, địa chỉ: xã Tân D, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyễn Minh T, sinh năm: 1992, địa chỉ: xã Hòa L, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyễn Ngọc Q, sinh năm: 1982, địa chỉ: xã Hòa L, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Dương Văn T, sinh năm: 1963, địa chỉ: xã Hòa L, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Phạm Kiều O, sinh năm: 1961, địa chỉ: xã Tân D, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyễn Thị X, sinh năm: 1974, địa chỉ: xã Long T, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Phạm Hùng T, sinh năm: 1971, địa chỉ: xã Tân D, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà V, ông D, bà O, ông T có mặt và Quý tín dụng nhân dân H; Nguyễn Văn L; Phạm Hùng T; Nguyễn Minh T; Nguyễn Ngọc Q; Dương Văn T; Nguyễn Thị X vắng mặt tại phiên Tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo các chứng cứ có trong hồ sơ cũng như tại phiên toà nguyên đơn Phạm V trình bày:

- Về hôn nhân: Bà V và ông D tìm hiểu quen nhau rồi được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào khoảng năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn cuộc sống thời gian đầu rất hạnh phúc nhưng về sau có nhiều điểm bất đồng cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc, trong đời sống hằng ngày thường phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung đã ly thân hơn hai năm nay, từ những nguyên nhân đó dẫn đến cuộc sống hôn nhân không đạt nay bà V xin được ly hôn với ông D;

- Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Minh T, sinh năm 1990 và Nguyễn Nhựt H, sinh ngày 11/8/2002 các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung bà V không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: bà V không yêu cầu giải quyết.

* Theo các chứng cứ có trong hồ sơ cũng như tại phiên toà bị đơn Nguyễn D trình bày:

- Về hôn nhân: Ông D và bà V quen nhau rồi được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn, cuộc sống thời gian đầu rất hạnh phúc nhưng về sau có cũng có nhiều quan điểm bất đồng vợ chồng thường hay cự cãi nên ông D đồng ý ly hôn với bà V;

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Minh Tấn, sinh năm 1990 và Nguyễn Nhật Hào, sinh ngày 11/8/2002 các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: ông D không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: ông D không yêu cầu giải quyết.

* Theo các chứng cứ có trong hồ sơ người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn L trình bày: vợ chồng ông D, bà V có thiếu ông L số tiền 15.000.000đ nhưng nay ông L không có yêu cầu gì đối với vợ chồng ông D, bà V, nếu sau này ông L có yêu cầu sẽ khởi kiện sau ngoài ra không trình bày gì thêm.

* Theo các chứng cứ có trong hồ sơ cũng như tại phiên toà người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phạm Hùng T trình bày: trước đây vợ chồng ông D, bà V có thiếu anh T số tiền nhưng nay anh T không có yêu cầu gì đối với vợ chồng ông D, bà V, nếu sau này anh Tn có yêu cầu sẽ khởi kiện sau ngoài ra không trình bày gì thêm.

* Theo các chứng cứ có trong hồ sơ người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Quỹ tính dụng nhân dân H trình bày: vợ chồng ông D, bà V có vay số tiền 60.000.000đ nhưng do chưa tới hạn hợp đồng hay vi phạm nên Quỹ tính dụng nhân dân H không có yêu cầu gì đối với vợ chồng ông D, bà V, nếu sau này có yêu cầu sẽ khởi kiện sau ngoài ra không trình bày gì thêm.

* Theo các chứng cứ có trong hồ sơ cũng như tại phiên toà người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phạm Kiều O trình bày: trước đây vợ chồng ông D, bà V có thiếu bà O mấy chỉ vàng nhưng nay bà O không có yêu cầu gì đối với vợ chồng ông D, bà V, nếu sau này bà O có yêu cầu sẽ khởi kiện sau ngoài ra không trình bày gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Xét thấy, việc tranh chấp về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con, nợ chung giữa Phạm V và Nguyễn D theo quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với Quý tín dụng nhân dân H; Nguyễn Văn L; Phạm Hùng T; Nguyễn Minh T; Nguyễn Ngọc Q; Dương Văn T; Nguyễn Thị X để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử nên xét xử vắng mặt đối với Quý tín dụng nhân dân H; Nguyễn Văn L; Phạm Hùng T; Nguyễn Minh T; Nguyễn Ngọc Q; Dương Văn T; Nguyễn Thị X theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Phạm V và Nguyễn D sống chung như vợ chồng từ năm 1990 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, pháp luật không công nhận là vợ chồng, vì đã vi phạm vào khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình có ghi:

“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.”

Tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình có ghi:

“1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.”

Đối chiếu khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình có ghi:

“2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này....”.

[2] Về con chung: Phạm V và Nguyễn D có 02 con chung tên Nguyễn Minh Tấn, sinh năm 1990 và Nguyễn Nhật Hào, sinh ngày 11/8/2002 các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Phạm V và Nguyễn D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Phạm V và Nguyễn D không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí và tạm ứng án phí: Nguyên đơn Phạm V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là có căn cứ, phù hợp với khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Phạm V và Nguyễn D.

2. Về án phí và tạm ứng án phí sơ thẩm: Phạm V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: 0015574, ngày 14/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Phạm V đã nộp xong).

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (08/6/2023). Đối với bị đơn, người liên quan không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày, tính từ ngày bản án này được giao cho họ hoặc được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

Nguyễn Cao Diễm